

Bản án số: 33/2021/HSST

Ngày: 29-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam

Bà Đặng Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 06/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 12/4/2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Hữu T (tên gọi khác: N) sinh năm 1990 tại An Giang; Nơi cư trú: Số 23/7, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê, Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn T, và bà Lê Thị A; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 17/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng. Ngày 14/11/2019 chấp hành xong quyết định. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2021 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Trần Thị Mộng P, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số 47/10B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số 47/10B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 06/01/2021, chị Trần Thị Mộng P để xe mô tô nhãn hiệu Honor màu xanh, biển số 67M3-8546 ở khu vực nhà chờ của bến phụ phà V thuộc khóm T, phường M, thành phố L để xuống sà lan của anh Nguyễn Minh T chơi. Đến 23 giờ 55 cùng ngày, chị P trở lên phát hiện mất xe nên gọi điện cho ông Nguyễn Thành H1 (cha đẻ chị P) biết sự việc nên ông Hiếu điều khiển xe mô tô chạy hướng thành phố L đến thành phố Cần Thơ để tìm xe của chị P. Đến khoảng 01 giờ 20 ngày 07/01/2021, ông H1 đến ngã ba lộ tẻ thuộc phường T, quận N, thành phố Cần Thơ thì gặp anh Huỳnh Ngọc H2 nên ông H1 hỏi anh H2 có thấy chiếc xe mô tô nêu trên, anh H2 cho biết trước đó có Nguyễn Hữu T đến gạ bán xe do trộm cắp mà có với giá 1.500.000đ nhưng anh H2 không mua. Biết được thông tin nên ông H1 gọi điện thoại báo chị P đến Công an phường trình báo, còn ông H1 điều khiển xe đến nhà T thì gặp T đang ở nhà, cùng lúc thì lực lượng Công an phường đến thì T bỏ chạy. Công an phường kiểm tra và phát hiện trong phòng ngủ của T có xe mô tô của chị P nên lập biên bản thu giữ vật chứng.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 09/KL.HĐ ngày 07/01/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honor màu xanh, biển số 67M3-8546, số khung 419145, số máy 419145, trị giá 3.670.000 đồng.

Cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 02/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự nên không xét đến.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Hữu T khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 06/11/2021, người tên Q (tự là Bổng, không rõ họ, địa chỉ) bảo T đến khu vực bến phà V để gặp Q. Khoảng 10 phút sau, T đến thì gặp Q đang đứng cạnh xe mô tô màu xanh, biển số 67M3-8546 để ở trong nhà chờ của bến phà, Q nhờ T tìm chỗ bán xe và hứa cho tiền tiêu xài thì T đồng ý. Khi nhận xe thì T thấy mặt trước xe bị cạy hở ra, không có chìa khóa nên biết là xe trộm mà có. Sau đó, T điều khiển xe đến phường T, quận N, thành phố Cần Thơ để tìm người mua thì gặp anh H2. T cho anh H2 biết xe do lấy trộm mà có và ga bán cho anh H2 1.500.000đ nhưng anh H2 không mua nên T điều khiển xe về nhà cất giấu. Đến khoảng 01 giờ 40 phút ngày 07/01/2021, T thấy lực lượng Công an đến nhà nên bỏ chạy như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không tranh luận đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua.

Bị hại Trần Thị Mộng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra, trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 67M3-8546 được ông H1 mua từ năm 2005 với giá 6.500.000đ và giao lại cho chị P sử dụng. Ngày 06/01/2021, chị P để xe tại nhà chờ phà phụ V thì bị mất trộm xe nên đến báo Công an phường M. Hiện chị P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự (BL 76 – 88).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát không ý kiến về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường về dân sự nên việc vắng mặt của những người tham gia tố

tụng nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Ngày 06/01/2021, bị cáo Nguyễn Hữu T biết rõ chiếc xe mô tô biển số 67M3 – 8564 do người tên Q lấy trộm mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý đem xe đi tiêu thụ để hứa hẹn cùng nhau hưởng lợi bất chính. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bản ảnh hưởng hiện trường cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 3.670.000đ theo Kết luận về việc xác định giá trị tài sản của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T theo điểm khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 09 tháng đến 01 năm tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, khỏe mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra, sau khi chấp hành xong bản án phạt tù về tội “Cướp giật tài sản” và Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc thì bị cáo phải có ý thức hòa nhập cộng đồng, siêng năng lao động để tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân, sống có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, bị cáo muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, không phải lao động cực nhọc nên đã thực hiện hành tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có để hưởng lợi bất chính. Bị cáo ngang nhiên đem tài sản đi tiêu thụ và công khai với anh Hậu là xe mô tô do trộm mà có, điều này thể hiện bị cáo liều lĩnh, xem thường pháp luật, biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo

bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

Đối người tên Q theo lời khai của bị cáo, hiện chưa rõ nhân thân nên Cơ quan điều tra – Công an thành phố L tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Ngày 29/9/2009, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản. Đến ngày 09/02/2013 chấp hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 136, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt bị hại Trần Thị Mộng P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành H1.

Tuyên xử:

[1] Về hình phạt

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2021.

[2] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQL và NVLQ;
- VKSND TPL;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam